

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh số lượng hộ và chỉ tiêu kế hoạch phân bổ vốn hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh An Giang (Đợt 2-2017)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở;

Căn cứ Thông tư số 09/2013/TT-BXD ngày 01 tháng 7 năm 2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở;

Căn cứ Thông tư số 98/2013/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, cấp phát, thanh toán, quyết toán, nguồn vốn hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở;

Căn cứ Quyết định số 1952/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở trên địa bàn tỉnh An Giang và Quyết định số 3371/QĐ-UBND ngày 08/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề án hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2;

Xét đề nghị của Liên Sở: Xây dựng – Lao động, Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 140/TTr-LS-XD-LĐTBXH ngày 06 tháng 12 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh số lượng hộ và chỉ tiêu kế hoạch phân bổ vốn hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh An Giang đợt 2-2017 tại Điều 1 Quyết định số 2908/QĐ-UBND ngày 02/10/2017 của UBND tỉnh, như sau:

1. Tổng nguồn vốn đầu tư: 35.520 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 26.190 triệu đồng;

- Ngân sách tỉnh: 9.330 triệu đồng.

2. Về số lượng đối tượng: Ưu tiên thực hiện hỗ trợ đối với nhà ở của người có công bị hư hỏng nặng phải phá dỡ để xây dựng mới hoặc sửa chữa có tên trong Đề án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, tổng số hộ hỗ trợ đợt 2-2017 là **813 hộ** (xây dựng mới: 642 hộ; sửa chữa: 171 hộ).

3. Phân bổ chỉ tiêu kế hoạch vốn đợt 2-2017 cho các huyện, thị xã, thành phố chi tiết theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở lao động Thương binh và Xã hội, các ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo đúng tiến độ Chương trình đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Giao Sở Tài chính điều chỉnh phân bổ vốn đối với huyện, thị xã, thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các cơ quan liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT.TU, HĐND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh An Giang;
- Chủ tịch & các PCT UBND tỉnh;
- Các sở: XD, TC, KH&ĐT, LĐTBXH;
- Kho bạc Nhà nước;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- VP.UBND tỉnh: LĐVP, P. KTTH, KTN & KGVX;
- Lưu: HCTC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Nung

PHỤ LỤC

Phân bổ chỉ tiêu kế hoạch phân bổ vốn hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh An Giang (Đợt 2-2017)

(Kèm theo Quyết định số: 3769/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Số TT	Đơn vị	Tổng số hộ	Trong đó		Tổng kinh phí (triệu đồng)	Trong đó:	
			Xây dựng mới	Sửa chữa		Vốn NS huyện tạm ứng (đối với NSTW hỗ trợ) (triệu đồng)	Nguồn vốn tỉnh chuyển về huyện, TX, TP (triệu đồng)
(1)	(2)	(3=4+5)	(4)	(5)	(6=7+8)	(7)	(8)
	Tổng cộng	813	642	171	35.520	26.190	9.330
1	Long Xuyên	22	12	10	800	600	200
2	Châu Đốc	16	16	-	800	550	250
3	Tân Châu	125	53	72	4.090	3.240	850
4	An Phú	162	151	11	7.770	5.940	1830
5	Phú Tân	29	9	20	850	0	850
6	Tri Tôn	225	225	-	11.250	8.860	2390
7	Tịnh Biên	124	91	33	5.210	4.030	1180
8	Châu Phú	51	26	25	1.800	1.280	520
9	Chợ Mới	12	12	-	600	0	600
10	Thoại Sơn	47	47	-	2.350	1.690	660